TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 23*/2019/QĐST/HNGĐ*	*M, ngày 12 tháng 2 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 364/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2018, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn G, sinh năm 1955.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn B, xã L, huyện M, thành phố H.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1956.

Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã L, huyện M, thành phố H.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện M, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án ;

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08 ngày 15/8/2005, tại UBND xã L, huyện M, thành phố H.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 1 tháng 2 năm 2019 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 1/2/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Hoàng Văn G và bà Đỗ Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; công nợ: không có.

- Về án phí: Ông Hoàng Văn G tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Ông G đã nộp 300.000 đồng

(*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016790 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Hoàn trả lại ông G số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND M;*
- *Chi cục THADS M;*
- *CQ đã thực hiện việc ĐKKH*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ; VP.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim T